

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 41/85 Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Võ Tân T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T và anh Võ Tân T tự nguyện chung với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 242 ngày 30-10-2020. Sau khi, kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn, xảy ra vợ chồng nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm cũng như được gia đình hai bên động viên hòa giải nên tiếp tục chung sống với nhau, nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Từ đầu năm 2022, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Xác định tình cảm cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có một con chung, chị T yêu cầu được trực tiếp trong nom, chăm sóc, giáo dục cháu Võ Trần Thiên Y, sinh ngày 18-9-2020 sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Tân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh anh T đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và hiện nay đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung thêm cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh T. Giao cháu Võ Trần Thiên Y cho chị T trực tiếp trong nom, chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn và anh T không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nhưng không giải quyết được. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị T thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đã sống ly thân một thời gian dài mà không giải quyết được nên yêu cầu được ly hôn, trong khi đó anh T cố tình vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Cháu Võ Trần Thiên Y đang còn nhỏ và chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” đối với anh Võ Tân T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T được ly hôn với anh Võ Tân T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Võ Trần Thiên Y, sinh ngày 18-9-2020 cho chị Trần Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và anh Võ Tân T không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009305 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời

hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải
(số 242 ngày 30-10-2020);
- Lưu hồ sơ vụ án....

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức